

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN
ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PGS

Mã hồ sơ:

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng
Ngành: Sinh học; Chuyên ngành: Thực vật học



A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: ĐÀO THỊ MINH CHÂU

2. Ngày tháng năm sinh: 27/6/1975; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây (Nay là Hà Nội)

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nhà số 3, ngõ 35, đường Tuệ Tĩnh, Khối Yên Hòa, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

6. Địa chỉ liên hệ:

Nhà số 3, ngõ 35, đường Tuệ Tĩnh, Khối Yên Hòa, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0918618358;

E-mail: chaudtm@vinhuni.edu.vn, daochau27@gmail.com

7. Quá trình công tác:

Từ 10/2002 đến nay: Giảng viên cơ hữu, Trường Đại học Vinh

Chức vụ hiện nay: Chi ủy viên, Chủ tịch công đoàn Khoa Sinh học

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Sinh học, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ cơ quan: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại cơ quan: 0238 3855452-202

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 15 tháng 7 năm 1997; số văn bằng: 36322; ngành: Sinh học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sỹ ngày 16 tháng 8 năm 2002; bằng Thạc sỹ khoa học tự nhiên; ngành Quản lý tài nguyên thiên nhiên (Natural Resources Management); Trường SERD (School of Environment, Rural and Development), Học viện Công nghệ Châu Á (AIT), Bangkok, Thái Lan.

- Được cấp bằng Tiến sỹ ngày 08 tháng 11 năm 2016; số văn bằng: QT 006038; ngành Sinh học; chuyên ngành Thực vật học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/ công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Vinh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành: Sinh học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Các nghiên cứu khoa học của ứng viên tập trung chủ yếu trên các loài thực vật có mạch rừng nhiệt đới ở Khu vực Bắc Trung Bộ và các giá trị của chúng, đặc biệt là nhóm tài nguyên Lâm sản ngoài gỗ (LSNG). Có thể chia các nghiên cứu thành 2 hướng sau đây: *Hướng thứ nhất: Nghiên cứu về đa dạng và giá trị của tài nguyên thực vật*, gồm các phân hướng: Đánh giá sự phong phú và dạng sinh học của tài nguyên thực vật; Lập danh lục các loài thực vật là LSNG và mức độ nguy cấp, cạn kiệt của chúng; Đánh giá thành phần hóa học tinh dầu và hoạt tính sinh học của các loài thuộc nhóm cây dược liệu. *Hướng thứ hai: Nghiên cứu nhằm đề xuất các giải pháp quản lý, phát triển bền vững môi trường và tài nguyên rừng*, gồm các phân hướng: Đánh giá hiện trạng và các vấn đề trong khai thác và quản lý tài nguyên rừng; Đánh giá vai trò của tài nguyên rừng đối với đời sống cộng đồng; Nghiên cứu các điều kiện sinh thái, kinh tế xã hội và kỹ thuật để đẩy mạnh việc nhân giống, gây trồng và phát triển các loài LSNG có giá trị; Đề xuất các biện pháp giáo dục môi trường.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Trong gần 21 năm giảng dạy và nghiên cứu khoa học ở Trường Đại học Vinh, ứng viên đã chủ trì và tham gia 9 đề tài khoa học các cấp, trong đó chủ nhiệm 02 đề tài cấp trường, 02 đề tài cấp Tỉnh, 01 đề tài cấp Bộ, thư ký 01 đề tài Nafosted. Ứng viên đã hướng dẫn 05 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn Thạc sỹ; Đã xuất bản 06 sách, gồm 03 sách chuyên khảo, 03 giáo trình đại học, trong đó chủ biên 02 giáo trình; Công bố 41 bài báo khoa học, trong đó 19 bài trên tạp chí khoa học quốc tế, đứng đầu hoặc là tác giả liên hệ 18 bài với 4 bài đăng trên tạp chí quốc tế; Đã giảng dạy nhiều học phần đại học, tham gia giảng dạy và biên soạn tài liệu 02 học phần cao học và hướng dẫn 5 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sỹ.

15. Khen thưởng:

+ Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An năm 2006 vì đã có thành tích xuất sắc trong việc xây dựng và phát triển Hội các ngành Sinh học và các hoạt động xây dựng phát triển khoa học trên địa bàn tỉnh;

+ Bằng khen của Hội chữ thập đỏ Việt Nam đã có thành tích tổ chức quyên góp hỗ trợ người nghèo và người tàn tật;

+ Bằng khen của Công đoàn ngành Giáo dục vì có nhiều đóng góp cho công tác công đoàn từ năm 2012 – 2017.

16. Kỷ luật: Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có phẩm chất tư tưởng, chính trị vững vàng, đạo đức tốt, luôn luôn gương mẫu thực hiện các quy định của pháp luật;

- Tận tụy với sự nghiệp giáo dục - đào tạo, say mê nghiên cứu khoa học, không ngại khó khăn trong nghiên cứu các vấn đề cấp thiết của ngành, của địa phương;

- Được đào tạo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ;

- Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có tinh thần học hỏi, cầu thị, tiếp thu các thành tựu của khoa học tiên tiến trên thế giới và trong nước; Luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, sáng tạo, chủ động, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc;

- Trung thực trong NCKH, thực hiện tốt các tiêu chuẩn về đạo đức Nhà giáo.

Không vi phạm đạo đức nhà giáo, không bị kỷ luật; Trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm công tác: 21 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến 6/2023

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận TNDH đã hướng dẫn	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015 - 2016	0	0	0	08	367,5	0	313,5/367,5/123,9
2	2016 - 2017	0	0	0	08	564,3	0	594,3/594,3/243
3	2017 - 2018	0	0	0	05	339,5	0	339,5/339,5/270
4	2018 - 2019	0	0	01	02	277,8	0	277,8/277,8/230
5	2019 - 2020	0	0	01	0	263,8	52,5	316,3/302/230
03 năm học cuối								
6	2020 - 2021	0	0	01	0	249,6	52,5	302,1/302,1/256
7	2021 - 2022	0	0	02	0	303,6	105	408,6/408,6/170

8	2022 - 2023	0	0	02	0	180,5	52,5	233/233/170
---	-------------	---	---	----	---	-------	------	-------------

* Số giờ định mức: Là số giờ đào tạo đại học & sau đại học đã được miễn giảm theo chức vụ lãnh đạo, quản lý, công tác đảng, đoàn thể trong CSĐT; Từ 25/3/2015, theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT là 270 giờ/01 năm học.

* Số giờ định mức: Là số giờ đào tạo đại học & sau đại học đã được miễn giảm theo chức vụ lãnh đạo, quản lý, công tác đảng, đoàn thể trong CSĐT; Từ 25/3/2015, theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT là 270 giờ/01 năm học.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

- a) Được đào tạo ở nước ngoài:
 - Tại học viện công nghệ châu Á (AIT), Thái Lan.
- b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:
- c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:
 - Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Không
 - Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Không
- d) Đối tượng khác; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng nhận của Học viện công nghệ Châu Á

4. Hướng dẫn học viên cao học (HVCH) đã được cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Phan Thế Thảo		HVCH	X		Tháng 1 đến tháng 7/2019	Trường Đại học Vinh	30/08/2019
2	Nguyễn Thị Hương		HVCH	X		Tháng 1 đến tháng 7/2020	Trường Đại học Vinh	15/09/2020
3	Nguyễn Anh Sáng		HVCH	X		Tháng 1 đến tháng 7/2021	Trường Đại học Vinh	15/10/2021
4	Chu Văn Đại		HVCH	X		Tháng 1 đến tháng 7/2021	Trường Đại học Vinh	15/10/2021
5	Lê Thanh Toán		HVCH	X		Tháng 1 đến tháng 7/2022	Trường Đại học Vinh	25/10/2022

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn	Xác nhận của cơ sở GDDH
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Môi trường và Phát triển	GT	NXB Đại học Vinh, 2016.	05	Chủ biên	Chương 1,2,4	Hợp đồng biên soạn giáo trình số 33/2016/HĐ-TLGT-

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn	Xác nhận của cơ sở GDDH
			ISBN: 978-604-923-237-4				ĐH, giữa tác giả và Trường ĐH Vinh
2	Sinh học đại cương B1	GT	NXB Đại học Vinh, 2016. ISBN: 978-604-923-247-3	07	Tham gia	Chương 6	Hợp đồng biên soạn giáo trình số 52/2016/HĐ-TLGT-ĐH, giữa tác giả và Trường ĐH Vinh
II Sau khi được công nhận TS							
3	Đa dạng thực vật Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt	CK	Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và công nghệ, 2019. ISBN: 978-604-193-965-9	08	Tham gia	Tham gia biên soạn, chịu trách nhiệm chính chương 1,4,5,7	Văn bản xác nhận sử dụng sách số 767/ĐHV-ĐT của Trường Đại học Vinh
4	Danh lục thực vật có mạch ở Khu dự trữ sinh quyển Miền Tây Nghệ An	CK	Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và công nghệ, 2022. ISBN: 978-604-357-041-0	09	Tham gia	Tham gia biên soạn, chịu trách nhiệm chính chương 3, 4	Văn bản xác nhận sử dụng sách số 767/ĐHV-ĐT của Trường Đại học Vinh
5	Đa dạng thực vật bậc cao có mạch ở khu vực Puxailaileng, tỉnh Nghệ An	CK	NXB Đại học Vinh, năm 2020. ISBN: 978-604-923-545-0	08	Tham gia	Tham gia biên soạn, chịu trách nhiệm chính chương 2	Văn bản xác nhận sử dụng sách số 767/ĐHV-ĐT của Trường Đại học Vinh
6	Giáo trình Sinh thái học và Môi trường	GT	NXB Đại học Vinh, năm 2020. ISBN: 978-604-923-729-4	04	Chủ biên	Biên soạn chương 3&5; Chỉnh sửa toàn bộ	Hợp đồng biên soạn giáo trình số 02/2023/ HĐBSDH-NXB ngày 23/2/2023

(Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo)

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu/ Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu/ Xếp loại KQ
1	"Thực trạng khai thác và quản lý một số tài nguyên lâm sản phi gỗ có giá trị ở vùng đệm vườn quốc gia Pù Mát". Đề tài KH cấp trường, 2005.	CN	T2005-03-04; Trường Đại học Vinh	3/2005 - 12/2005	Ngày 13/12/2005 Xếp loại: Tốt
2	"Nâng cao chất lượng dạy học một số môn học ngành khoa học môi trường". Đề tài khoa học cấp trường năm 2011.	CN	T2011-26; Trường Đại học Vinh	10/5/2011 - 8/12/2011	Ngày 8/12/2011 Xếp loại: Tốt
3	"Nghiên cứu đề xuất và xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển bền vững lâm sản ngoài gỗ nhằm phục vụ phát triển kinh tế xã hội ở Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An".	CN	855/HD- SKHCN; Sở KH&CN Nghệ An	01/7/2014 - 25/11/2015	Ngày 23/11/2015 Xếp loại: Khá
4	"Xây dựng các modul giáo dục bảo vệ môi trường theo chủ đề trong chương trình THPT". Đề tài KHCN cấp Bộ.	TV	B2016 – TDV –04 – MT; Bộ GD&ĐT	02/1/2016 - 12/2016	Quyết định số 4063/QĐ- BGDDĐT ngày 3/10/2018
II Sau khi được công nhận TS					
5	Nghiên cứu thành phần hóa học tinh dầu của chi Gừng (<i>Zingiber</i>) thuộc họ Gừng (<i>Zingiberaceae</i>) ở Bắc Trung Bộ	TK	Mã số: 106.03- 2017.328 NAFOSTED	01/01/2019 - 31/12/2019	Ngày 6/5/2020 Xếp loại: Đạt
6	Tập huấn cho giáo viên và sinh viên sư phạm về tích hợp giáo dục phát triển xanh vào chương trình trung học cơ sở	CN	B2018-TDV- 03 -MT-TH	4/2018 - 12/2018	Biên bản nghiệm thu ngày 25/10/2020. Xếp loại: Đạt
7	Xây dựng mô hình tự quản sống xanh trong các khu ký túc xá của các trường đại học	TV	B2020-TDV- 08-MT; Bộ GD&ĐT	4/2020 – 12/2020	20/12/2020 Xếp loại: Đạt
8	Tập huấn nâng cao nhận thức cho sinh viên sư phạm và giáo viên THPT vùng ven biển về giảm thiểu, thu gom, phân loại, tái sử dụng và tái chế rác thải nhựa	TV	B2020-TDV- 14-MT; Bộ GD&ĐT	4/2020 – 12/2020	01/12/2020 Xếp loại: Đạt
9	Nghiên cứu bảo tồn và phát triển một số loài Trà hoa vàng quý hiếm ở Hà Tĩnh	CN	409/QĐ- SKHCN; Sở KH&CN Hà Tĩnh	7/2020 3/2022	Ngày 10/4/2022; Xếp loại: Đạt

(Các chữ viết tắt: CN: Chủ nhiệm; TK: Thư ký; TV: Thành viên)

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Tạp chí quốc tế: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
1	Tài nguyên lâm sản phi gỗ ở vùng đệm VQG Pù Mát - những vấn đề tồn tại trong khai thác và quản lý.	02	X	Tuyển tập những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong KH sự sống. Báo cáo Hội nghị KH toàn quốc. NXB KH&KT, 2005.			Trang 72-75	Tháng 11/ 2005
2	Nguồn lâm sản ngoài gỗ ở Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống - Ý nghĩa và khả năng khôi phục một số loài có giá trị.	01	X	Tuyển tập các báo cáo khoa học về Sinh học. Hội nghị khoa học Sinh học. Nhà xuất bản KH & KT, năm 2006.			Trang 31-38	Tháng 10 / 2006
3	Khai thác và sử dụng tài nguyên rừng của người dân sống trong vùng lõi Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Huống, Nghệ An.	01	X	Tuyển tập báo cáo KH- Hội thảo Sinh học và ứng dụng. NXB Đại học sư phạm Hà Nội.			Trang 37-50	Tháng 10 / 2011
4	Sự phụ thuộc vào tài nguyên rừng của người Thái ở Khu vực khe Thoi, vùng đệm Vườn Quốc Gia Pù Mát.	04	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN 1859-4581.			Tập chuyên đề: KHCN với sự PTBV khu vực BTB; Tr.190-195	Tháng 5 2012
5	Đánh giá đa dạng tài nguyên cây thuốc ở 2 xã Thông Thụ và Hạnh Dịch, Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	04		Tạp chí KH Trường ĐH Cần Thơ, Phần B: Nông nghiệp, Thủy sản và			Tập 27 (2013), Tr.191-194	Tháng 8 2013

				Công nghệ Sinh học:				
6	Đánh giá vai trò của Lâm sản ngoài gỗ trong đời sống cộng đồng ở khu vực khe Bu, VQG Pù Mát.	04	X	Kỷ yếu Hội thảo KH quốc gia về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 5.			Trang 1020-1025	Tháng 10 / 2013
7	Đa dạng cây thuốc được đồng bào dân tộc Thái sử dụng để chữa bệnh dạ dày tại Huyện Quế Phong, KBT TN Pù Hoạt, tỉnh Nghệ An.	04		Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam. NXB Nông nghiệp, ISBN 978-604-60-0730-2			Trang 1017-1019	Tháng 10 / 2013
8	Đa dạng các nhóm lâm sản ngoài gỗ được khai thác từ Vườn Quốc gia Pù Mát, Nghệ An.	03	X	Tạp chí Khoa học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội. ISBN 2615-9317			Số 6-2014	Tháng 11 / 2014
9	Essential Oil Constituents of <i>Etilingera yunnanensis</i> and <i>Hornstedtia sanhan</i> grown in Vietnam.	06	X	Natural Product Communication ISSN:1934-578X; eISSN:1555-9475	SCIE, Q3	08	Vol 10 (2) P. 365-366.	Tháng 12 / 2014
10	Dấu chân Cacbon trong các sản phẩm Bia Huda Huế và Bia Sài Gòn.	02		Tạp chí Khoa học – Trường Đại học Vinh, ISSN 1859 – 2228.			Tập 44, số 1A. Tr.84-93	Tháng 7 / 2015
11	Đa dạng các loài LSNG được khai thác từ KBT TN Pù Huống – Nghệ An.	03	X	Tuyển tập báo cáo Hội thảo KH quốc gia về sinh thái và TN sinh vật lần thứ 6, Viện hàn lâm KH&CN Việt Nam. NXB KH TN&CN, ISBN: 978-604-913-408-1.			Tập 44, số 2A. Tr.05-10	Tháng 11 / 2015
12	Khai thác và sử dụng tài nguyên rừng của người Thái sống ở khu vực Cao Vều, vùng đệm VQG Pù Mát.	03	X				Tr.1055-1061	Tháng 11 / 2015
II Sau khi được công nhận PGS/TS								

13	Đa dạng hệ thực vật bậc cao có mạch tại Khu BTTN Pù Huống, tỉnh Nghệ An	05		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISBN: 1859-4581			Kỳ 1(2016) Tr. 120-125	Tháng 12/ 2016
14	Volatile constituents of <i>Distichochlamys citrea</i> M. F. Newman and <i>Distichochlamys orlowii</i> K. Larsen & M. F. Newman (Zingiberaceae) from Vietnam.	05		Journal of Medicinal Plants Research, ISSN 1996-0875	Spopus, Q4	05	Vol.11(9): P.188-193;	Tháng 4/ 2017
15	Thành phần hóa học tinh dầu loài Thiên niên kiện (<i>Homalomena occulta</i> (Lour.) Schott) và Thần phục (<i>Homalomena pierreana</i> Engl.) ở Vườn Quốc gia Pù Mát, Nghệ An.	05		Báo cáo KH về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Hội nghị KH Toàn quốc lần 7, NXB KH Tự nhiên & Công nghệ, Hà Nội, ISBN 978-604-913-615-3			Tr. 1236-1241.	Tháng 11/ 2017
16	Composition of Essential Oils from <i>Schefflera myriocarpa</i> Harms (Araliaceae) from Vietnam	05	X	Records of Natural Products, ISSN: 1307-6167	SCIE, Q3 IF: 1.951	03	Vol.12(5) P. 508-511	Tháng 12/ 2017
17	Đa dạng họ Gừng (Zingiberaceae) ở Vườn Quốc gia Pù Mát, Nghệ An	05		Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội, ISSN 2615-9317.			Số 34(1) Trang 84-89.	Tháng 3/ 2018
18	<i>Zingiber vuquangensis</i> and <i>Z. castaneum</i> : Two Newly Discovered species from Vietnam and Their Essential Oil Constituents	06		Natural Product Communications, Print ISSN: 1934-578X	SCIE, Q3, IF: 1.48	06	Vol. 13(6) P. 763-766	Tháng 4/ 2018
19	Constituents of Essential Oils from <i>Dasymaschalon bachmaensis</i> and	06		Natural Product Communications, Print ISSN: 1934-578X	SCIE, Q3, IF: 1.48	01	Vol. 13(5) P. 627-628	Tháng 4/ 2018

	<i>Phaeanthus vietnamensis</i>							
20	Volatile Constituents of <i>Siliquamomum tonkinense</i> from Vietnam	05		Chemistry of Natural Compounds. ISSN 0009-3130/ eISSN: 1573-8388	SCIE, Q3 IF: 0.798	02	Vol.54(5) P. 990-991	Tháng 9/ 2018
21	Composition of Essential Oils from <i>Litsea acutivena</i> Hayata	06		American Journal of Plant Sciences, E-ISSN: 2158-2750/ ISSN: 2158-2742	SCIE, Q3 IF: 1.200	01	Vol.10 No.4, April 2019 P. 615-621	Tháng 4/ 2019
22	Đa dạng các loài thực vật làm thuốc ở khu vực núi Puxailaileng, tỉnh Nghệ An.	03	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh, ISSN 1859 – 2228/ e-ISSN 1859-2228			Tập 48, số 1/2019 Trang 25-32	Tháng 4/ 2019
23	Chemical Compositions, Mosquito Larvicidal and Antimicrobial Activities of Essential Oils from Five Species of <i>Cinnamomum</i> Growing Wild in North Central Vietnam	07		Molecules (MDPI) ISSN: 1420-3049	SCIE, Q1, IF: 4.673	19	Vol. 25, 1303 P.1-12	Tháng 3/ 2020
24	Essential oils of <i>Cinnamomum doederleinii</i> var. <i>raoanensis</i> and <i>Cinnamomum scalarinervium</i> from Vietnam.	07		Chemistry of Natural Compounds, ISSN: 0009-3130 (Print), 1573-8388 (Online)	SCIE, Q3 IF: 0.798	2	Vol. 56(2) P. 351-353;	Tháng 3/ 2020
25	Composition of Essential Oils from <i>Litsea firma</i> var. <i>austroannamensis</i> from Vietnam	06		Chemistry of Natural Compounds, E-ISSN: 1573-8388; P-ISSN: 0009-3130	SCIE, Q3 IF: 0.798	1	Vol. 56, No. 3, May, 2020	Tháng 5/ 2020
26	Đa dạng các loài cây rừng ăn được của người Thái ở khu vực Thác	02	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học			Tập 49 - Số 2A/2020	Tháng 5/ 2020

	khe Kèm, Vườn quốc gia Pù Mát, đề xuất giải giáp khai thác bền vững cho phát triển du lịch sinh thái			Vinh, ISSN 1859 – 2228.			(Trang 5-13)	
27	Chemical Compositions, Mosquito Larvicidal and Antimicrobial Activities of Leaf Essential Oils of Eleven Species of Lauraceae from Vietnam.	07	X	Plants (MDPI) ISSN: 2223-7747 EISSN 2223-7747	SCIE, Q1, IF: 4.668	23	Vol. 9, 606.	Tháng 5/2020
28	Nghiên cứu gây trồng cây Sa nhân tím (<i>Amomum longiligulare</i> T. L. Wu) dưới tán rừng tự nhiên ở vùng núi Nghệ An	02	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh, ISSN 1859 – 2228.			Tập 4A/2020.	Tháng 12/2020
29	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh thái và hiện trạng khai thác các loài tre nứa ở xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.	03	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh, ISSN 1859 – 2228.			Tập 50 - Số 1/2021, Trang 5-13	Tháng 3/2021
30	Đa dạng họ Long não (<i>Lauraceae</i> Juss.) ở Vườn Quốc gia Pù Mát, Nghệ An	06		Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội, ISSN 2615-9317.			Tập 37, Số 1 (2021) Trang 68-75	Tháng 4/2021
31	Chemical Compositions of Essential Oils and Antimicrobial Activity of the Leaves and Rhizomes of <i>Zingiber magang</i> and <i>Zingiber tamii</i> from Vietnam	05		Journal of essential oil-bearing plants, ISSN: 0972-060X	SCIE, Q3, IF:2.136		Vol. 24(5) P. 1087-1096	Tháng 12/2021
32	Đa dạng họ Sim (<i>Myrtaceae</i>) ở Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống, tỉnh Nghệ An	04		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh, ISSN 1859 – 2228/ e-ISSN 1859-2228			Tập 50 - Số 4A/2021, Trang 19-28	Tháng 12/2021

33	Annonaceae Essential Oils: Antimicrobial and Compositions of the Leaves of <i>Uvaria hamiltonii</i> Hook. f. & Thoms. and <i>Fissistigma kwangsiensis</i> Tsiang & P. T. Li	05		Records of Natural Products, ACG Publications, EISSN:1307-6167	SCIE, Q3 IF: 1.951		Vol. 16:4 (2022) P.387 - 392	Tháng 1/ 2022
34	Essential Oils of Lauraceae: Constituents and Antimicrobial Activity of <i>Dehaasia cuneata</i> (Blume) Blume and <i>Caryodaphnopsis tonkinensis</i> (Lecomte) Airy-Shaw from Vietnam	04		Records of Natural Products, ACG Publications, EISSN:1307-6167	SCIE, Q3 IF: 1.951		Vol. 16:5 (2022) P. 477-482	Tháng 2/ 2022
35	Compositions and antimicrobial activity of essential oils from the leaves of <i>Beilschmiedia fordii</i> Dunn. and <i>Lindera glauca</i> (Siebold & Zucc.) Blume from Vietnam.		X	Journal of essential oil-bearing plants, ISSN: 0972-060X	SCIE, Q3, IF:1.625		Vol. 25(1) Pages 93-102	Tháng 3/ 2022
36	Nghiên cứu một số đặc điểm nông hóa thổ nhưỡng của 2 loài Trà hoa vàng đặc hữu của Vườn quốc gia Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh	03	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh, ISSN 1859 – 2228/ e-ISSN 1859-2228			Tập 51, số 1/2022 Trang 05-15	Tháng 4 2022
37	Essential Oils of Lauraceae: Antimicrobial Activity and Constituents of <i>Phoebe macrocarpa</i> C. Y. Wu Leaf Essential Oil from Vietnam	05		Journal of essential oil-bearing plants, ISSN: 0972-060X	SCIE, Q3, IF:1.625		Vol. 25(2) P. 297-304	Tháng 5/ 2022
38	Đặc điểm hình thái, sinh thái và phân bố của Trà hoa vàng vũ quang	04	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh,			Tập 51, số 2/2022	Tháng 5/ 2022

	(<i>Camellia vuquangensis</i>) và Trà hoa vàng hà tĩnh (<i>Camellia hatinhensis</i>) ở Vườn quốc gia Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh			ISSN 1859 – 2228/ e-ISSN 1859-2228			Trang 38-49	
39	Antimicrobial Activity and Constituents of Essential Oils from the Leaves of <i>Syzygium szemaoense</i> Merrill & L.M. Perry and <i>Syzygium corticosum</i> (Lour.) Merr. & L.M. Perry grown in Vietnam	05		Journal of Essential Oil Bearing Plants DOI: 10.1080/0972060X. 2022.2159542	SCIE, Q3, IF:1.625		Vol.25(6) P. 1289-1300	Tháng 12/ 2022
40	Lipid Peroxidation Inhibitory and Cytotoxic Activities of Two <i>Camellia</i> Species Growing Wild in Vietnam	09		Pharmacognosy Magazine, SAGE Publishing, ISSN: 0973-1296, EISSN: 0976-4062; IF: 0.948	SCIE Q3; IF: 1.085		Vol. 19(1) P. 1–15	Tháng 02/ 2023
41	Chemical constituents and antimicrobial activity of <i>Tsoongiodendron odorum</i> and <i>Manglietia chevalieri</i> essential oils from Vietnam	05		Chemistry of Natural Compounds, ISSN: 0009-3130 (Print), 1573-8388 (Online)	SCIE, Q3 IF: 0.798		Vol. 59, No. 3	Tháng 05/ 2023

Trong tất cả các công trình trên, ứng viên chọn 5 công trình dưới đây để giới thiệu vì đây là những công trình tâm huyết, có giá trị, thể hiện được 2 hướng nghiên cứu mà ứng viên đã lựa chọn và sẽ tiếp tục theo đuổi để nâng cao tính ứng dụng cho thực tiễn sử dụng và phát triển bền vững LSNG, đồng thời phục vụ tích cực cho công tác giảng dạy của ứng viên ở Khoa Sinh học, Trường sư phạm, Trường Đại học Vinh.

1. **Đào Thị Minh Châu**, Trần Minh Hợi, Trần Huy Thái (2014). Đa dạng các nhóm lâm sản ngoài gỗ được khai thác từ Vườn Quốc gia Pù Mát, Nghệ An. Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Quốc gia Hà Nội. ISBN 2615-9317 số [8].

Nghiên cứu đã thống kê được 855 loài (thuộc 182 họ của 6 ngành thực vật bậc cao có mạch) thuộc 6 nhóm LSNG được khai thác từ rừng để sử dụng và để bán cho các thương lái, trong đó trên 85% số lượt loài là dược liệu. Việc khai thác ô ạt không kiểm soát đã

làm rất nhiều loài rơi vào tình trạng cạn kiệt, nguy cấp, đáng báo động là 28 loài dược liệu có giá cao, bị thu mua triệt để và 18 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam.

2. **Chau, D.T.M.**, Chung, N.T., Huong, L.T., Hung, N.H., Ogunwande, I.A., Dai, D.N., Setzer, W.N. (2020). Chemical Compositions, Mosquito Larvicidal and Antimicrobial Activities of Leaf Essential Oils of Eleven Species of Lauraceae from Vietnam. MDPI, *Plants* 2020, 9(5), 606. (Q1, IF: 2.567). <https://doi.org/10.3390/plants9050606>, số [27].

Nghiên cứu này đã tiến hành phân tích tinh dầu lá của 11 loài thuộc họ Long não, kiểm tra hoạt tính diệt bọ gậy của 3 loài muỗi, hoạt tính kháng khuẩn với 7 loài. Kết quả cho thấy, tinh dầu lá của các loài trong họ này có khả năng diệt bọ gậy và kháng khuẩn cao. Cụ thể, tinh dầu lá loài *Neolitsea ellipsoidea* giàu (E)- β -ocimene (87,6%), thể hiện hoạt tính diệt bọ gậy *Aedes aegypti* rất cao với LC50 6,59 $\mu\text{g/mL}$ trong 24 giờ; loài *Cryptocarya infectoria*, nhiều germacrene D (55,5%) và bicyclogermacrene (11,4%), diệt bọ gậy *Culex quiquefasciatus* cao với LC50 0,40 $\mu\text{g/mL}$ trong 48 giờ; loài *Neolitsea ellipsoidea* có tính kháng khuẩn *Enterococcus faecalis* và *Bacillus cereus*, *Cryptocarya impressiona* có khả năng kháng nấm với MIC 16 $\mu\text{g/mL}$.

3. **Đào Thị Minh Châu**, Nguyễn Thượng Hải (2020), Nghiên cứu gây trồng cây Sa nhân tím (*Amomum longiligulare* T. L. Wu) dưới tán rừng tự nhiên ở vùng núi Nghệ An. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh, ISSN 1859 – 2228. Vol 49 - 4A/2020. <https://vjol.info.vn/index.php/vinhuni/issue/view/5422>, số [28].

Nghiên cứu đã đưa giống Sa nhân tím (*Amomum longiligulare*) nuôi cấy mô vào trồng 1 ha thí điểm dưới tán rừng tự nhiên tái sinh nhằm tìm hiểu điều kiện sinh thái tối ưu. Kết quả cho thấy, Sa nhân tím rất phù hợp để trồng dưới tán rừng tự nhiên, nơi có độ tàn che từ 30% - 50%, lượng mưa từ 2.000 - 3.000 mm/năm, trên địa hình có độ dốc dưới 30°, độ cao 100 - 800 m so với mực nước biển, độ ẩm đất trên 18%. Sau 2 năm thu được 1,2 tạ quả khô/1 ha/vụ. Đây là loài cây thuộc quý, tinh dầu giá trị. Quy hoạch phát triển dược liệu tỉnh Nghệ An đề xuất trồng 100 ha ở miền núi.

4. **Chau, D.T.M.**, An, N.T.G., Huong, L.T. and Ogunwande, I.A. (2022). Compositions and antimicrobial activity of essential oils from the leaves of *Beilschmiedia fordii* Dunn. and *Lindera glauca* (Siebold & Zucc.) Blume from Vietnam. *Journal of Essential Oil Bearing Plants*, Volume 25, 2022 - Issue 1, số [35].

<https://doi.org/10.1080/0972060X.2022.2045227>

Đây là báo cáo đầu tiên về thành phần hóa học và hoạt tính kháng khuẩn của tinh dầu lá loài *B. fordii* và *L. glauca* thuộc họ Lauraceae. Thành phần chính của tinh dầu lá *B. fordii* là các hydrocacbon monoterpene, như: α -pinene (45,1%), camphene (18,9%), β -pinene (16,5%) và limonene (9,0%); của tinh dầu lá *L. glauca* là α -humulene (18,0%), sesquiterpenes, β -caryophyllene (29,2%), và caryophyllene oxide (14,6%). Tinh dầu lá *B. fordii* có hoạt tính kháng khuẩn đầy hứa hẹn đối với *Staphylococcus aureus* ATCC25923 và *Bacillus cereus* ATCC14579, có tác dụng chống nấm *Candida albicans* ATCC 10231, với nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) là 16,0 $\mu\text{g/mL}$.

5. **Đào Thị Minh Châu** (chủ biên), Lê Thị Hương, Nguyễn Thị Việt, Lê Quang Vương (2023), Giáo trình Sinh thái học và Môi trường. NXB Đại học Vinh.

Giáo trình được biên soạn nhằm đáp ứng yêu cầu giảng dạy học phần “Sinh thái học và môi trường” theo tiếp cận CDIO cho sinh viên ngành sư phạm Sinh học. Mục tiêu là giúp người học có đủ năng lực sử dụng các kiến thức cơ bản về sinh thái học và bảo vệ môi trường, từ đó có khả năng tự học, tự phát triển và áp dụng các kiến thức vào thực tiễn giảng dạy phần Sinh thái học và Môi trường trong dạy học môn Sinh học của chương trình giáo dục phổ thông 2018. Giáo trình gồm có 5 chương, 345 trang khổ 16x24cm.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: 0

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/ dự án/ đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo/ chương trình/ dự án/ đề tài nghiên cứu, ứng dụng	Vai trò UV	Văn bản giao nhiệm vụ	Cơ quan thẩm định, sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Nghiên cứu xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Khoa học môi trường tiếp cận CDIO	TV	Hợp đồng số 16/2016/KH CNTĐ ngày 16/6/2016	Trường ĐH Vinh	Quyết định số 703/QB-BHV ngày 15/6/2015, Biên bản HĐ đánh giá nghiệm thu ngày 20/12 /2016	
2	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức sinh học thực vật theo tiếp cận CDIO.	TV	Hợp đồng số 56/2018/KH CNTr-CB ngày 16/4/2018	4/ 2018 – 7/ 2019	Quyết định số 251/QĐ-ĐHV ngày 10/4/2018. Biên bản đánh giá, nghiệm thu.	

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nghệ An, ngày 29 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Đào Thị Minh Châu